TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 09/7/2024.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sỹ Hứng, bà Lừ Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Dục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Phương Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024 ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn D, sinh năm 1973. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Sơn La, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Hoàng Thị C trình bày.

Chị và Anh Hà Văn D kết hôn với nhau năm 1993, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và được UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, Sau khi thành vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng gia đình bố mẹ chồng ở Bản C, xã T, huyện Y, sống chung một thời gian thì ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Hà Văn D.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Hà Văn M, sinh năm 1994 và cháu Hà Thị N, sinh năm 1995, các cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết

Về phần nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Hà Văn D cho rằng anh và Chị Hoàng Thị C kết hôn với nhau năm 1993, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và được UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, Sau khi thành vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn anh chị sống chung cùng gia đình bố mẹ anh ở Bản C, xã T, huyện Y, sống chung một thời gian thì ra ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa.

Nay chị Chắn có đơn xin ly hôn với anh, bản thân anh không nhất trí.

Vợ chồng có với nhau 02 con chung, cháu Hà Văn Mạnh, sinh năm 1994 và cháu Hà Thị Nhi, sinh năm 1995, các cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết

Về phần nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của Anh Hà Văn D và Chị Hoàng Thị C được biết như sau: Việc kết hôn hai đương sự khai là hoàn toàn đúng sự thật, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, việc mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hoà giải nhưng không có kết quả. Hai năm trở lại đây vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không ai quan tâm đến ai nữa. Đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Xử cho Chị Hoàng Thị C được ly hôn với Anh Hà Văn D.

- Về con chung: Các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng, không đề nghị giải quyết.

- Về nợ chung: Hai anh chị đều xác định không có nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Chị Hoàng Thị C đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Anh Hà Văn D đã được tống đạt các thông báo, quyết định của Tòa án, nhưng do đang đi làm ăn xa không thể có mặt để tham gia xét xử tại Tòa án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị C và Anh Hà Văn D kết hôn với nhau vào ngày 23/2/1994. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp

cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Chắn và anh Dư là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tuy nhiên Anh Hà Văn D không nhất trí ly hôn.

Toà án đã tiến hành làm việc với anh Dư, cho anh Dư viết bản tự khai, anh Dư trình bày tại bản tự khai, anh Dư xác định việc tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như chị Chắn đã trình bày. Bản thân anh Dư cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, nhưng không nhất trí ly hôn và cũng không đưa ra căn cứ để chứng minh việc khởi kiện của chị Chắn là không có căn cứ và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa Chị Hoàng Thị C và Anh Hà Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Chắn là có căn cứ, cần xử cho Chị Hoàng Thị C được ly hôn với Anh Hà Văn D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống hai anh chị đều xác định 02 con chung, cháu Hà Văn M, sinh năm 1994 và cháu Hà Thị N, sinh năm 1995, các cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết

[5] Về nợ chung: Hai anh chị đều xác định không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho Chị Hoàng Thị C được ly hôn với Anh Hà Văn D.

2. Về con chung: Các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng, chị C và anh D không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000329 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã Tú Nang, huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Triệu Văn Quang

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu;
- Trại giam Thanh Cẩm, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Triệu Văn Quang